

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

Địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3997 5154

Fax: 08. 3997 5155

Mục lục	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 4 năm 2006 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO.

Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: **150.000.000.000 đ** (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2011, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là **90.075.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ cấu vốn như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

2. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao);
- Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2011 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Ngô Văn Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Lê Thạch Túy	Thành viên	
Ông Lâm Quốc Hải	Thành viên	
Ông Đoàn Tuấn Anh	Thành viên	

Ban giám đốc

Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nhạ	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Tuấn Anh	Kế toán trưởng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Giám đốc

Lâm Quốc Hải



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 110660/BCKT- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 03/02/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2012

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám đốc

Kiểm toán viên

Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.421.910.674	25.877.134.750
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.493.052.639	2.684.381.074
1. Tiền	111	V.1	1.493.052.639	2.684.381.074
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.547.384.039	14.228.794.383
1. Phải thu khách hàng	131		9.559.454.102	11.366.463.293
2. Trả trước cho người bán	132		1.370.313.401	4.388.057.470
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	16.772.787.997	5.016.671.067
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.155.171.461)	(6.542.397.447)
IV. Hàng tồn kho	140		43.779.299	1.677.524.731
1. Hàng tồn kho	141	V.4	43.779.299	1.677.524.731
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.337.694.697	7.286.434.562
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.337.694.697	7.286.434.562
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.926.881.131	187.149.185.589
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.101.627	27.101.627
4. Phải thu dài hạn khác	218		27.101.627	27.101.627
II. Tài sản cố định	220		175.171.927.504	167.262.359.982
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.532.202.638	18.028.849.782
Nguyên giá	222		20.483.516.584	19.411.034.765
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.951.313.946)	(1.382.184.983)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	58.695.390.000	58.695.390.000
Nguyên giá	228		58.695.390.000	58.695.390.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	97.944.334.866	90.538.120.200
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		727.852.000	19.532.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	18.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.915.400.000	1.915.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.187.548.000)	(383.080.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	327.403.980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	327.403.980
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.348.791.805	213.026.320.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		110.943.025.543	111.727.252.405
I. Nợ ngắn hạn	310		47.768.917.583	70.324.585.738
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	14.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		42.828.767.032	41.909.246.213
3. Người mua trả tiền trước	313		2.417.792.285	9.364.166.176
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	31.325.535	691.742.142
5. Phải trả người lao động	315		249.436.000	259.420.901
6. Chi phí phải trả	316	V.17	214.973.722	1.713.745.432
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	963.720.671	1.198.862.536
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.062.902.338	1.187.402.338
II. Nợ dài hạn	330		63.174.107.960	41.402.666.667
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	63.174.107.960	41.402.666.667
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.405.766.262	101.299.067.934
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	94.405.766.262	101.299.067.934
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.075.000.000	90.075.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.161.453.222	1.161.453.222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		976.705.862	976.705.862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.192.607.178	9.085.908.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.348.791.805	213.026.320.339

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại				
- EURO			0,00	64,84
- USD			411,42	410,15

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Phạm Anh Thái



Đoàn Tuấn Anh



Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	22.680.013.236	23.112.884.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	22.680.013.236	23.112.884.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	20.475.096.942	26.639.511.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.204.916.294	(3.526.627.395)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	84.856.483	135.551.534
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	6.406.703.760	484.548.030
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.902.235.760	101.468.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.664.041.342	8.802.699.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.780.972.325)	(12.678.323.584)
11. Thu nhập khác	31		0	24.104.575.203
12. Chi phí khác	32		112.329.347	16.113.859.552
13. Lợi nhuận khác	40		(112.329.347)	7.990.715.651
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(765,28)	(520,41)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Phạm Đức Đại


 Đoàn Tuấn Anh


 Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	26.654.890.206	27.781.553.741
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22.910.647.368)	(20.827.016.146)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.605.306.671)	(2.735.161.758)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(165.069.054)	(101.468.030)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(607.669.143)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	508.299.445	42.203.128.263
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(731.416.754)	(6.122.638.105)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.143.080.661	39.198.397.965
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(80.000.000)	(5.158.937.732)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.856.483	79.797.869
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.856.483	(5.079.139.863)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.800.000.000	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.139.265.579)	(35.000.000.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.339.265.579)	(35.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.191.328.435)	(880.741.898)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.684.381.074	3.565.122.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	1.493.052.639	2.684.381.074

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Đức Tài



Đoàn Tuấn Anh



Lâm Quốc Hải

Thuyết minh Báo cáo tài chính*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: 150.000.000.000 đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2011, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là 90.075.000.000 đ, cơ cấu như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

1- Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm: xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, kinh doanh cho thuê nhà, kinh doanh du lịch, khách sạn.

3- Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao);
- Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu giữa Công ty và khách hàng, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn tài chính theo quy định

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán dồn tích, tuân thủ đầy đủ 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (gia công): được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012 cho hoạt động kinh doanh lĩnh vực truyền tải điện.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khách sạn là 10%.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Tiền mặt tại quỹ	200.927.903	73.481.848
Tiền gửi ngân hàng	1.292.124.736	2.610.899.226
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam (*)	1.283.472.573	2.601.139.649
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (**)	8.652.163	9.759.577
Cộng	1.493.052.639	2.684.381.074

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam:

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch 2	3.823.826	447.283.425
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	1.155.231.183	941.550.789
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	8.591.151	849.399.222
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 - TP Hồ Chí Minh	865.683	1.823.899
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Tín- Phòng giao dịch Trần Quang Khải	5.512.735	322.894.290
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây - Chi nhánh Hồ Chí Minh	725.422	0
Cổng ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	108.722.573	38.188.024
Cộng	1.283.472.573	2.601.139.649

(**) Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ

	31/12/2011		01/01/2011	
	Nguyên tệ	đ	Nguyên tệ	đ
Tiền gửi USD	411,42	8.652.163	410,15	7.985.620
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	207,69	4.367.721	207,45	4.039.051
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	203,73	4.284.442	202,70	3.946.569
Tiền gửi EURO	0	0	64,84	1.773.957
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	0	0	64,84	1.773.957
Tổng cộng		8.652.163		9.759.577

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Phải thu Công ty TNHH Hải Văn Sơn tiền lãi vay ngân hàng MÊCA trả hộ (*)	4.037.311.951	3.998.180.001
Phải thu khác Công ty TNHH Hải Văn Sơn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thành Long (**)	11.700.000.000	0
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	10.159.500
Kinh phí công đoàn	17.646.271	2.561.271
Phải thu khác	7.670.275	5.770.295
Cộng	16.772.787.997	5.016.671.067

- (*) Ngày 24/12/2008, Công ty TNHH Hải Văn Sơn ký hợp đồng mua Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C đường Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO với giá trị chuyển nhượng là **21.700.000.000 đ** sau đó mang tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng thông qua hợp đồng bảo lãnh của MÊCA (chưa làm thủ tục sang tên cho Hải Văn Sơn do đang trong quá trình thanh toán) để bảo lãnh cho Hải Văn Sơn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh số tiền **14.000.000.000 đ**, Hải Văn Sơn đã chuyển cho MÊCA **13.000.000.000 đ** từ khoản vay này. Tới thời điểm trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng thì Hải Văn Sơn bị mất khả năng thanh toán nên Ngân hàng đã yêu cầu MÊCA phải trả nợ thay Hải Văn Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết và Công ty đã buộc phải thực hiện theo yêu cầu này.

Tại thời điểm 31/12/2011, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO vẫn chưa có văn bản đưa ra hướng xử lý cho việc thực hiện tranh chấp hợp đồng này cũng như những khoản nợ phát sinh từ giao dịch mua bán, bảo lãnh thế chấp vay với Công ty TNHH Hải Văn Sơn.

- (**) Đây là khoản phải thu do Công ty thoái vốn tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co (Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000 đ/cổ phần**); đơn giá chuyển nhượng là **8.500 đ/cổ phần**. Cho tới thời điểm 31/12/2011, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho Công ty tổng số tiền **3.600.000.000 đ**).

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Nguyên liệu, vật liệu	43.779.299	43.779.299
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	0	1.633.745.432
Cộng	43.779.299	1.677.524.731

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tình hình tăng; giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Tại 01/01/2011	18.515.338.724	661.464.248	0	234.231.793	19.411.034.765
Tăng do mua sắm	0	33.900.000	1.038.581.819	0	1.072.481.819
Tại 31/12/2011	18.515.338.724	695.364.248	1.038.581.819	234.231.793	20.483.516.584
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2011	1.183.128.609	125.444.142	0	73.612.232	1.382.184.983
Khấu hao trong năm	411.451.972	59.173.750	72.123.737	26.379.504	569.128.963
Tại 31/12/2011	1.594.580.581	184.617.892	72.123.737	99.991.736	1.951.313.946
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2011	17.332.210.115	536.020.106	0	160.619.561	18.028.849.782
Tại 31/12/2011	16.920.758.143	510.746.356	966.458.082	134.240.057	18.532.202.638

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đ.

- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm dùng để cầm cố, thế chấp khoản vay là 966.458.082 đ.

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại 01/01/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2011	0	0	0
Tại 31/12/2011	0	0	0
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Dự án 277 Bến Bình Đông	97.944.334.866	90.538.120.200
Cộng	97.944.334.866	90.538.120.200

Đây là dự án căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Dự án có tổng mức đầu tư là 498.000.000.000 đồng xây dựng trên diện tích đất 5.465,4 m² bao gồm 02 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại, dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng. Hiện nay dự án mới trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị đ	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị đ
Công ty Cổ phần Sông Ba	191.540	1.915.400.000	191.540	1.915.400.000
Cộng	191.540	1.915.400.000	191.540	1.915.400.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	0	327.403.980
Cộng	0	327.403.980

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Vay dài hạn đến hạn trả	0	14.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh 9, Tp.HCM	0	14.000.000.000
Cộng	0	14.000.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	25.555.240	78.302.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	607.669.143
Thuế thu nhập cá nhân	5.770.295	5.770.295
Cộng	31.325.535	691.742.142

17. Chi phí phải trả

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Lãi vay phải trả	0	80.000.000
Trích trước chi phí công trình	214.973.722	1.633.745.432
Cộng	214.973.722	1.713.745.432

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	0	24.706.151
Phải trả Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	30.590.200	349.428.914
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.000.000	8.000.000
Các khoản phải trả khác	927.130.471	816.727.471
Cộng	963.720.671	1.198.862.536

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Hồ Chí Minh	554.100.000	0
Vay Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (*)	62.620.007.960	41.402.666.667
Cộng	63.174.107.960	41.402.666.667

(*) Đây là khoản tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho vay để trả nợ ngân hàng và tăng vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

Đơn vị tính: đ

TT	Số dư Nợ vay	Ngày phát sinh	Gốc vay	Lãi Quý IV (20,5%/năm)	Gốc và lãi 31/12/2011	Vay dài hạn đến hạn trả 31/01/2012
1	Khoản vay Đầu tư Bến Bình Đông	12/2010	41.000.000.000	2.147.944.444	43.147.944.444	43.147.944.444
2	Vay kinh doanh	23/3/2011	14.000.000.000	727.277.817	14.522.953.299	14.522.953.299
3	Tiền lãi vay				4.949.110.217	4.949.110.217
Cộng			55.000.000.000	2.875.222.261	62.620.007.960	62.620.007.960

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đ

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.075.000.000	338.453.222	153.705.862	17.065.516.783	107.632.675.867
Tăng khác	0	823.000.000	823.000.000	0	1.646.000.000
Giảm khác	0	0	0	(3.292.000.000)	(3.292.000.000)
Lỗi trong năm trước	0	0	0	(4.687.607.933)	(4.687.607.933)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	9.085.908.850	101.299.067.934
Lỗi trong năm nay	0	0	0	(6.893.301.672)	(6.893.301.672)
Số dư cuối năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	2.192.607.178	94.405.766.262

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	63.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.975.000.000	26.975.000.000
Cộng	90.075.000.000	90.075.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp đầu năm	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

đ. Cổ phiếu

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.007.500	9.007.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.007.500	9.007.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	1.161.453.222
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	976.705.862

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.680.013.236	23.112.884.147
Trong đó:		
Doanh thu xây lắp	21.329.255.661	21.106.551.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.350.757.575	2.006.332.273

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	0	0
Giá vốn xây lắp	19.692.079.751	24.058.860.955
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	783.017.191	2.580.650.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Cộng	20.475.096.942	26.639.511.542

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.817.483	80.437.534
Lãi kinh doanh chứng khoán	67.039.000	55.114.000
Cộng	84.856.483	135.551.534

30. Chi phí tài chính

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Chi phí lãi tiền vay	2.902.235.760	101.468.030
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.700.000.000	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán	804.468.000	383.080.000
Cộng	6.406.703.760	484.548.030

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.088.546.518	17.404.112.792
Chi phí nhân công	2.572.568.539	2.293.005.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.128.963	486.213.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.313.633.525	1.504.855.963
Chi phí khác bằng tiền	1.387.873.243	8.242.584.643
Cộng	21.931.750.788	29.930.773.231

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(765,28)	(520,41)

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

3- Thông tin về bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

- a. **Giao dịch với Công ty mẹ:** Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty; chiếm 70,05% vốn điều lệ thực góp của Công ty tính đến ngày 31/12/2011. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 234 Nguyễn Văn Linh - Thanh Khê - Đà Nẵng. Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm:

- Nhận vật tư (sắt, thép, bulông, kẽm thỏi...) phục vụ các hoạt động gia công cột thép, xây lắp đường dây theo các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty mẹ và Công ty;
- Nhận vốn vay từ Công ty mẹ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty; nhận vốn bằng tiền do Công ty mẹ cấp (ứng vốn) để thực hiện các hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty mẹ và Công ty đồng thời quyết toán khối lượng xây lắp, gia công hoàn thành và thanh toán công nợ với Công ty mẹ;

Công nợ giữa Công ty với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) tại ngày 31/12/2011 như sau:

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: đ

TT	Nội dung	01/01/2011 (đ)	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2011 (đ)
Tổng VNECO trả tiền trước cho MÊCA thi công công trình điện					
1	Vốn ứng trước thi công	3.831.197.723	24.795.812.725	27.361.316.129	1.265.694.319
MÊCA phải trả Tổng VNECO do mua vật tư					
1	Giao dịch liên quan đến hợp đồng mua bán vật tư	37.280.412.585	0	0	37.280.412.585
MÊCA phải trả khác VNECO					
1	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền sửa chữa công trình, tiền vay mượn tạm thời	515.864.414	165.478.500	650.752.714	30.590.200
2	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền thu xếp tín dụng	41.402.666.667	24.142.708.372	2.925.367.079	62.620.007.960
MÊCA phải thu khác VNECO					
1	Tổng VNECO phải trả tiền MÊCA chi hộ kinh phí đền bù	166.435.500	38.396.500	204.832.000	0
2	MÊCA bảo nợ tiền phòng khách sạn Tổng VNECO	0	260.873.000	260.873.000	0

b. Giao dịch với Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co

Năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO góp vốn liên doanh 18.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co có trụ sở tại Lô B1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1.800.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần); đơn giá chuyển nhượng là 8.500 đồng/cổ phần. Cho tới thời điểm 31/12/2011, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho Công ty tổng số tiền 3.600.000.000 đồng.

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 và số liệu tài chính năm 2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Tuy nhiên, số liệu một số chỉ tiêu mà Công ty đang trình bày trong Báo cáo tài chính này đã được phân loại lại so với số liệu trong Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2010 theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán	Số liệu đầu kỳ của Báo cáo tài chính năm 2011	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
I	Nguồn vốn				0
1	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	42.601.529.203	1.198.862.536	(41.402.666.667)
2	Vay và nợ dài hạn	334	0	41.402.666.667	41.402.666.667

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Báo cáo tài chính năm 2010 phản ánh khoản tiền vay từ Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) trên chỉ tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" giá trị khoản vay này là 41.402.666.667 đồng. Để phản ánh đúng chỉ tiêu của các khoản "Vay và nợ dài hạn" và khoản "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" nên số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2011 đã được phân loại lại.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đoàn Tuấn Anh



Lâm Quốc Hải